

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công 15/2017/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn thành phố Huế,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại khoản 2 Điều 43 và thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản quy định chi tiết tại khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 20; khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Không điều chỉnh tài sản là tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng. Việc xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng theo pháp luật có liên quan và hướng dẫn Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với:

a) Tài sản là bất động sản;

b) Tài sản xe ô tô;

2. Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với:

a) Tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu trừ các tài sản quy định ở khoản 1 Điều này do các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trình hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu.

b) Tài sản do Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu trừ các tài sản quy định ở khoản 1 Điều này do các cơ quan của trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp:

a) Tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu trừ các tài sản quy định ở khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân phường, xã hoặc cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định tịch thu.

b) Tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã ra quyết định tịch thu trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị phê duyệt phương án xử lý tài sản do chính người có thẩm quyền thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị ra quyết định tịch thu trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với:

a) Tài sản là bất động sản;

b) Tài sản xe ô tô;

2. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đã tiếp nhận từ cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Huế và cơ quan thi hành án cấp quận khu chuyển giao, trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã nơi cơ quan thi hành án dân sự khu vực đóng trụ sở quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án dân sự khu vực chuyển giao, trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Phương án xử lý tài sản do đại diện cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã nơi cơ quan thi hành án khu vực đóng trụ sở lập theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã nơi bảo quản tài sản tiếp nhận từ cơ quan thi hành án dân sự khu vực chuyển giao báo cáo Sở Tài chính để lập phương án xử lý, trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt, kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại Điều 21 của Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị

định số 77/2025/NĐ-CP (trừ tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam mà chưa xác định cụ thể cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận.

2. Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức đơn vị mình; tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Ủy ban nhân dân phường, xã; tài sản chuyển giao cho cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân phường, xã (bao gồm Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã).

4. Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với trường hợp tài sản chuyển giao cho Hội đồng nhân dân thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

Điều 6. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại Điều 5 của Quyết định này

1. Sở Tài chính chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam mà chưa xác định cụ thể cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận;

2. Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì quản lý tài sản đối với các tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã chủ trì quản lý tài sản đối với các tài sản chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân các phường, xã (bao gồm Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã).

4. Hội đồng nhân dân thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức đơn vị mình.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, trừ tài sản quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với:

- a) Tài sản là bất động sản;
- b) Tài sản xe ô tô;
- c) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thuộc trường hợp khi chuyển giao chưa xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận.

2. Các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan, đơn vị, tổ chức mình quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã phê duyệt phương án xử lý tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính xác lập quyền sở hữu toàn dân trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm trong quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Luật Quản lý sử dụng tài sản công và Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã có trách nhiệm chấp hành việc quản lý tài sản công theo quy định của pháp luật có liên quan và theo phân cấp tại Quyết định này. Chỉ đạo, triển khai thực hiện Quyết định đến các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo và cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Chương XI Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

4. Các nội dung liên quan không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân mà đã được người có thẩm quyền phê duyệt phương án theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành việc xử lý thì các công việc chưa thực hiện được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

2. Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân mà chưa được người có thẩm quyền phê duyệt phương án theo quy định thì thực hiện theo phân cấp tại Quyết định này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Công an thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Bộ Tài chính;
- Các cơ quan trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương;
- Ban Thường vụ thành ủy;
- HĐND; TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: các PCVP và các CV,
- Công thông tin Điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, DN.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Toàn